

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2026

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Doanh;

Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Giáp Thị Đ, sinh ngày 03/01/1979. (có đơn xin vắng mặt)

Số định danh cá nhân: 024179005281

Địa chỉ: Thôn Vựa Trong, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông **Lường Văn L**, sinh ngày 20/8/1978 (vắng mặt)

Số định danh cá nhân: 024078006957

Địa chỉ: Thôn Vựa Trong, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Giáp Thị Đ trình bày:

Bà và ông **Lường Văn L** kết hôn với nhau năm 1995, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn Vựa Trong, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau khi có ba con chung thì ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên

bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông **Lường Văn L** là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông **Lường Văn L** có ba con chung là Lường Thị Phượng, sinh năm 1997; Lường Thị Bền, sinh năm 1999 và Lường Văn Chiến, sinh năm 2004. Hiện cả ba con chung đã đều đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2026 bị đơn ông **Lường Văn L** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Giáp Thị Đ kết hôn với nhau vào năm 1995, trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định như lời trình bày trên của bà Đợi là đúng. Trong quá trình chung sống ông và bà Đợi cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Nay bà Đợi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Đợi, ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Giáp Thị Đ có ba con chung như lời trình bày trên của bà Đợi, các con đều đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản xác minh của UBND xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh về quan hệ hôn nhân giữa bà Giáp Thị Đ với ông **Lường Văn L** đã cung cấp:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** chung sống với nhau từ năm 1995 tại thôn Vừa Trong, xã Kiên Lao, tỉnh Bắc Ninh, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua nắm bắt tình hình thì vợ chồng bà Đợi, ông Loan có mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể ra sao thì địa phương không rõ.

Về con chung: Bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** có ba con chung là Lường Thị Phượng, sinh năm 1997; Lường Thị Bền, sinh năm 1999 và Lường Văn Chiến, sinh năm 2004; hiện cả ba con chung đã đều đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Giáp Thị Đ, ông **Lường Văn L** đều vắng mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà Đợi, ông Loan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (bị đơn chưa chấp hành).

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị Đ: Không công nhận bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** là vợ chồng. Ngoài ra còn đề nghị về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Giáp Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông **Lường Văn L** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Vừa Trong, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và qua xác minh tại địa phương thì bà Đợi, ông Loan chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 và có ba người con chung nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền. Do đó có đủ căn cứ để xác định bà Đợi và ông Loan không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, bà Giáp Thị Đ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông **Lường Văn L**. Bị đơn ông **Lường Văn L** cũng xác định ông và bà Đợi có mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, cãi nhau và bà Đợi tự ý bỏ nhà ra ở riêng nhưng ông xác định tình cảm vẫn còn nên bà Đợi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông là vợ chồng, ông không đồng ý. Mặc dù bà Đợi và ông Loan đưa ra các nguyên nhân khác nhau nhưng cả hai đều xác định có mâu thuẫn và hiện đã không còn chung sống cùng nhau nữa. HĐXX thấy: Thực tế bà Đợi và ông Loan không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, không sống chung cùng nhau, Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Nghị

quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần không công nhận bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** là vợ chồng.

3.2 Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Giáp Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị Đ: Không công nhận bà Giáp Thị Đ và ông **Lường Văn L** là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Giáp Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà bà Đợi đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005398 ngày 09 tháng 6 năm 2026.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**



Nguyễn Thị Linh
Nguyễn Thị Linh